

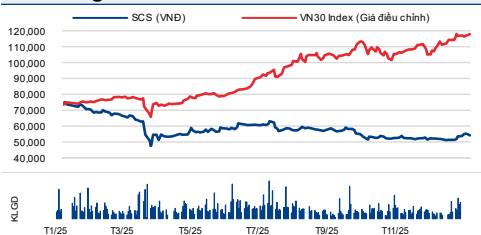
Giảm tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ50,700
Tiềm năng tăng/giảm: -6.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/1/2026)	54,200
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	47,725-75,140
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	54,933
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,144
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	196
Slg CP lưu hành (tr.đv)	94.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	30.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	14.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	16.2%
Tỷ lệ freefloat	38.2%
Cổ đông lớn	Gemadep (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	1,037	1,127	1,013
EBITDA đc (tỷ đồng)	827	935	844
LNTT (tỷ đồng)	783	898	807
LNT ĐC (tỷ đồng)	644	688	601
FCF (tỷ đồng)	647	759	629
EPS ĐC (đồng)	6,409	6,870	5,950
DPS (đồng)	6,000	6,000	5,000
BVPS (đồng)	14,815	15,622	16,440
T.trưởng EBITDA (%)	35.1	13.0	(9.73)
T.trưởng EPS ĐC (%)	41.3	7.15	(13.3)
Tăng trưởng DPS (%)	20.0	0	(16.7)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	79.8	82.9	83.4
Tỷ suất LNTT (%)	75.5	79.7	79.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	66.8	65.6	63.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	86.7	80.9	77.8
Nợ thuần/VCSH (%)	(22.0)	(27.3)	(38.0)
ROAE (%)	50.5	51.2	42.5
ROACE (%)	56.8	61.9	52.8
EV/doanh thu (lần)	3.73	3.28	3.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.68	3.96	4.29
P/E ĐC (lần)	8.46	7.89	9.11
P/B (lần)	3.66	3.47	3.30
Lợi suất cổ tức (%)	11.1	11.1	9.23

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: Lợi nhuận thuần tăng 11% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- KQKD Q4/2025 của SCS nhìn chung sát với kỳ vọng. Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 327 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ, tăng 5% so với quý trước) và 188 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước).
- Tính chung năm 2025, doanh thu thuần đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15%) và lợi nhuận thuần đạt 751 tỷ đồng (tăng trưởng 8%) bằng 106%/101% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.
- HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng đối với SCS với giá mục tiêu 50.700đ (rủi ro giảm giá 7%). Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (LTIA) nhiều khả năng sẽ đi vào hoạt động từ tháng 6/2026, làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với SCS.

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/2025

Doanh thu thuần Q4/2025 của SCS đạt 327 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ; tăng 5% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 188 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước), nhìn chung sát với dự báo của HSC.

Mức tăng trưởng lợi nhuận so với cùng kỳ chủ yếu đến từ sản lượng tăng, trong khi mức sụt giảm so với quý trước chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn, khi SCS thường ghi nhận chi phí nhân công cao trong quý cuối cùng của năm.

Tính chung năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1,2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15%) và 751 tỷ đồng (tăng trưởng 8%), bằng 106% và 101% dự báo năm 2025 của HSC.

Sản lượng Q4/2025 tăng nhẹ 5%, nhờ sản lượng quốc tế tăng 7%

Trong Q4/2025, doanh thu thuần đạt 327 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ và tăng 5% so với quý trước), chủ yếu nhờ sản lượng tăng 5% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước, đạt 76.658 tấn. Trong đó, sản lượng hàng hóa quốc tế tăng 7% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước đạt 61.729 tấn, trong khi hàng hóa nội địa giảm 3% so với cùng kỳ (nhưng tăng 24% so với quý trước) xuống 14.929 tấn.

Tính chung năm 2025, tổng sản lượng đạt 278.843 tấn (tăng trưởng 4%). Trong đó, sản lượng hàng hóa quốc tế đạt 224.328 tấn ((tăng trưởng 9%) và sản lượng hàng hóa nội địa đạt 54.515 tấn (tăng 12%). Mức sụt giảm sản lượng nội địa chủ yếu do sản lượng của Vietjet Air (Bán ra, giá mục tiêu 119.700đ) – khách hàng nội địa lớn nhất của SCS – giảm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, SCS

Trong Q4/2025, lợi nhuận thuần của SCS tăng 11% so với cùng kỳ và so với quý trước, sát dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2025	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	327	11%	5%	1,197	15%	106%
Lợi nhuận thuần	188	11%	-8%	751	8%	101%

Nguồn: SCS

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 tăng so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 đạt 72,9%, so với 70,4% trong Q4/2024 và 80,5% trong Q3/2025. Mức cải thiện so với cùng kỳ chủ yếu đến từ phương thức tính phí mới cho hàng hóa quốc tế. Cụ thể, từ ngày 1/9/2024, SCS sử dụng trọng lượng thực tế hoặc trọng lượng quy đổi từ thể tích của lô hàng – tùy theo mức nào lớn hơn – để xác định trọng lượng tính phí. Trước đó, SCS chỉ tính phí dựa trên trọng lượng thực tế. Phương thức tính phí mới này đã giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận của SCS.

So với quý trước, tỷ suất lợi nhuận giảm chủ yếu do Công ty trích thưởng cao hơn, đây là khoản mục thường được ghi nhận vào Q4 hằng năm.

Tính chung năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 78,5%, cải thiện so với mức 77,2% trong năm 2024, nhờ phương thức tính phí mới đối với hàng hóa quốc tế như đã đề cập ở trên.

Các khoản mục khác

- Lợi nhuận tài chính Q4/2024 đạt 20,7 tỷ đồng (tăng 46% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước). Kết quả này đạt được chủ yếu nhờ lượng tiền mặt và đầu tư ngắn hạn dồi dào hơn, đạt 1,2 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025 (tăng 52% so với cuối năm 2024 và 24% so với cuối Q3/2025).
- Chi phí bán hàng & quản lý trong Q4/2025 là 23,5 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ nhưng tăng 54% so với quý trước). Mức giảm so với cùng kỳ chủ yếu nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả hơn, trong khi mức tăng so với quý trước đến từ chi phí trích thưởng cho người lao động được ghi nhận trong Q4/2025.

Nói chung, LNTT Q4/2025 đạt 235 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước). Do thuế TNDN tăng lên mức 20% trong năm 2025 từ mức 10% trước đó do hết thời gian ưu đãi thuế, lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 188 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước).

Theo đó, lợi nhuận thuần năm 2025 đạt 751 tỷ đồng, bằng 101% dự báo của chúng tôi.

Giữ nguyên dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC giữ nguyên dự báo cho năm 2026 với doanh thu thuần đạt 983 tỷ đồng (giảm 12%) và lợi nhuận thuần đạt 627 tỷ đồng (giảm 15%). Nguyên nhân chủ yếu đến từ sản lượng giảm khi Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành (LTIA) chính thức đi vào hoạt động. Theo kế hoạch, LTIA sẽ bắt đầu hoạt động từ tháng 6/2026.

Triển vọng dài hạn của SCS nhiều khả năng sẽ phụ thuộc vào mức độ tham gia của Công ty tại nhà ga mới của LTIA, dự án do ACV (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 63.200đ) làm nhà đầu tư duy nhất. Do một phần lớn hàng hóa quốc tế dự kiến sẽ dịch chuyển sang LTIA khi cảng hàng không này đi vào hoạt động, HSC đang theo dõi chặt chẽ khả năng SCS được chỉ định làm đơn vị khai thác tại LTIA.

Trong mô hình dự báo hiện tại, chúng tôi chưa đưa vào bất kỳ đóng góp nào từ khả năng SCS tham gia vận hành nhà ga hàng hóa tại LTIA, do đến nay chưa có thông tin xác nhận chính thức. Do đó, nếu SCS được chính thức bổ nhiệm làm đơn vị khai thác, đây sẽ là yếu tố tạo tiềm năng tăng đối với dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu cũng như khuyến nghị của chúng tôi.

HSC duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng đối với SCS với giá mục tiêu 50.700đ (rủi ro giảm giá 7%). SCS đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,1 lần, thấp hơn so với mức bình quân 3 năm (kể từ tháng 1/2023) ở mức 11,7 lần. Mức định giá này phản ánh những thách thức trong thời gian tới, đặc biệt trong kịch bản SCS không được lựa chọn làm đơn vị khai thác nhà ga hàng hóa số 1 tại LTIA.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	705	1,037	1,127	1,013	741
Lợi nhuận gộp	535	801	923	824	592
Chi phí BH&QL	(51.7)	(71.1)	(75.4)	(67.7)	(49.5)
Thu nhập khác	(2.40)	(2.91)	(3.16)	(2.84)	(2.08)
Chi phí khác	0.36	0.52	0.56	0.50	0.37
EBIT	569	783	898	807	584
Lãi vay thuần	87.0	55.4	53.5	53.0	43.6
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	569	783	898	807	584
Chi phí thuế TNDN	(70.3)	(89.9)	(159)	(161)	(117)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	498	693	740	646	467
Lợi nhuận thuần ĐC	463	644	688	601	435
EBITDA ĐC	612	827	935	844	621
EPS (đồng)	4,897	6,921	7,415	6,426	4,544
EPS ĐC (đồng)	4,527	6,409	6,870	5,950	4,200
DPS (đồng)	5,000	6,000	6,000	5,000	3,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	94.4	94.9	94.9	94.9	94.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	94.4	94.9	94.9	94.9	94.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	94.4	94.9	94.9	94.9	94.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	163	317	406	595	851
Đầu tư ngắn hạn	899	954	1,037	932	682
Phải thu khách hàng	96.2	111	151	134	98.7
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	4.32	5.65	6.90	6.20	4.54
Tổng tài sản ngắn hạn	1,163	1,388	1,601	1,667	1,636
TSCĐ hữu hình	356	374	297	268	239
TSCĐ vô hình	0.28	0.14	(0.34)	(0.65)	(0.96)
Bất động sản đầu tư	77.5	71.4	64.2	57.0	49.9
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	107	63.3	102	91.7	67.1
Tổng tài sản dài hạn	540	509	463	416	355
Tổng cộng tài sản	1,703	1,898	2,065	2,083	1,992
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	12.1	5.83	19.4	17.4	12.8
Nợ ngắn hạn khác	319	440	510	458	335
Tổng nợ ngắn hạn	359	484	574	516	377
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	5.19	7.87	8.30	7.46	5.46
Tổng nợ dài hạn	5.19	7.87	8.30	7.46	5.46
Tổng nợ phải trả	364	492	583	523	383
Vốn chủ sở hữu	1,339	1,406	1,482	1,560	1,609
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,339	1,406	1,482	1,560	1,609
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,703	1,898	2,065	2,083	1,992
BVPS (đ)	14,185	14,815	15,622	16,440	16,953
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(163)	(317)	(406)	(595)	(851)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	569	783	898	807	584
Khấu hao	(43.8)	(44.8)	(36.6)	(36.6)	(36.6)
Lãi vay thuần	87.0	55.4	53.5	53.0	43.6
Thuế TNDN đã nộp	(58.9)	(90.9)	(159)	(161)	(117)
Thay đổi vốn lưu động	14.1	2.23	7.18	(26.3)	(66.0)
Khác	(85.7)	(53.7)	2.59	(0.70)	(1.66)
LCT thuần từ HKKD	455	666	767	636	417
Đầu tư TS dài hạn	(21.6)	(18.7)	(7.39)	(7.46)	(7.53)
Góp vốn & đầu tư	(1,444)	(1,556)	(65.0)	70.2	215
Thanh lý	1,405	1,501	0	0	0
Khác	70.8	66.0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	10.3	(7.69)	(72.3)	62.7	208
Cổ tức trả cho CSH	(367)	(515)	(605)	(511)	(368)
Thu từ phát hành CP	13.0	11.7	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	0	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(354)	(503)	(605)	(511)	(368)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	51.3	163	317	406	595
LCT thuần trong kỳ	112	155	89.0	188	256
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.30)	(0.91)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	163	317	406	595	851
Dòng tiền tự do	434	647	759	629	409

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	75.9	77.2	81.9	81.4	79.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	86.9	79.8	82.9	83.4	83.8
Tỷ suất LNT (%)	70.7	66.8	65.6	63.8	63.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.4	11.5	17.7	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(17.2)	47.1	8.73	(10.2)	(26.8)
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.3)	35.1	13.0	(9.73)	(26.5)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(22.9)	39.0	6.78	(12.7)	(27.6)
Tăng trưởng EPS (%)	(24.7)	41.3	7.15	(13.3)	(29.3)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(24.9)	41.6	7.18	(13.4)	(29.4)
Tăng trưởng DPS (%)	(16.7)	20.0	0	(16.7)	(30.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	102	86.7	80.9	77.8	77.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	35.9	50.5	51.2	42.5	29.5
ROACE (%)	40.9	56.8	61.9	52.8	36.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.43	0.58	0.57	0.49	0.36
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.80	0.85	0.85	0.79	0.71
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	207	172	269	261	242
Số ngày phải trả	26.1	9.02	34.6	33.8	31.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(12.1)	(22.0)	(27.3)	(38.0)	(52.8)
Nợ/tài sản (%)	0.08	0.42	0.10	0.09	0.07
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.00	0.01	0.00	0.00	0.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.24	2.87	2.79	3.23	4.33
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.75	3.73	3.28	3.57	4.87
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.62	4.68	3.96	4.29	5.82
P/E (lần)	11.1	7.83	7.31	8.43	11.9
P/E ĐC (lần)	12.0	8.46	7.89	9.11	12.9
P/B (lần)	3.82	3.66	3.47	3.30	3.20
Lợi suất cổ tức (%)	9.23	11.1	11.1	9.23	6.46

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn